

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 20/02/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT909	Lê Xuân An	06/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
2	CNTT910	Nguyễn Bình An	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
3	CNTT911	Nguyễn Hải Anh	07/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
4	CNTT912	Nguyễn Trọng Quốc Anh	31/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
5	CNTT913	Nguyễn Văn Anh	19/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
6	CNTT914	Trần Đức Đông Anh	16/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
7	CNTT915	Bùi Thị Ngọc Bích	03/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
8	CNTT916	Lưu Thị Thanh Bình	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
9	CNTT917	Nguyễn Văn Bình	10/07/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
10	CNTT918	Nguyễn Văn Bình	30/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
11	CNTT919	Phạm Thị Chinh	18/09/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
12	CNTT920	Trần Văn Công	24/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
13	CNTT921	Nguyễn Thị Thùy Dung	03/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
14	CNTT922	Hoàng Ngọc Dũng	21/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
15	CNTT923	Ngô Khắc Dũng	11/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
16	CNTT924	Nguyễn Đăng Dũng	22/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
17	CNTT925	Vũ Văn Duy	25/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,0	Đạt	
18	CNTT926	Đàm Văn Dương	24/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
19	CNTT927	Mai Hoàng Dương	06/01/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt	
20	CNTT928	Nguyễn Công Dương	28/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
21	CNTT929	Nguyễn Tiến Dương	30/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
22	CNTT930	Nguyễn Văn	Dương	15/06/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,2	7,0	Đạt	
23	CNTT931	Phùng Ánh	Dương	24/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
24	CNTT932	Trần Tiến	Đạt	02/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
25	CNTT933	Nguyễn Bích	Điệp	22/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
26	CNTT934	Nguyễn Quý	Đô	08/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
27	CNTT935	Phùng Thị Thu	Hà	17/05/1981	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	8,0	Đạt	
28	CNTT936	Trương Thị Hồng	Hạnh	25/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
29	CNTT937	Nguyễn Thị	Hậu	30/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	5,0	Đạt	
30	CNTT938	Nguyễn Thị	Hiên	01/05/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
31	CNTT939	Đỗ Thị	Hiên	08/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
32	CNTT940	Nguyễn Công	Hiệp	04/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
33	CNTT941	Nguyễn Quang	Hiệp	27/09/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt	
34	CNTT942	Mai Đình	Hiếu	04/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
35	CNTT943	Nguyễn Văn	Hiếu	19/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
36	CNTT944	Nguyễn Văn	Hiếu	13/12/2004	TPHCM	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
37	CNTT945	Nguyễn Thị Ngọc	Hoài	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
38	CNTT946	Vũ Văn	Hoan	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
39	CNTT947	Phan Văn	Hoàn	14/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
40	CNTT948	Nguyễn Văn	Hoàng	20/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
41	CNTT949	Nguyễn Văn	Hoàng	20/09/2004	Bình Dương	Nam	Kinh	6,5	7,0	Đạt	
42	CNTT950	Trần Văn	Hùng	07/06/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
43	CNTT951	Hoàng Việt	Huy	19/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
44	CNTT952	Nguyễn Hoàng	Huy	04/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	Đạt	
45	CNTT953	Nguyễn Quang	Huy	27/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
46	CNTT954	Nguyễn Văn	Huy	21/10/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
47	CNTT955	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
48	CNTT956	Ngô Thị Thúy	Hường	30/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt	
49	CNTT957	Đặng Gia	Khánh	21/05/2004	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
50	CNTT958	Dương Văn	Ký	31/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
51	CNTT959	Đặng Phúc	Lâm	26/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
52	CNTT960	Lê Ngọc	Linh	29/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
53	CNTT961	Lê Thị Thùy	Linh	26/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
54	CNTT962	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	15/07/2004	TPHCM	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
55	CNTT963	Nguyễn Thị Hiền	Lương	03/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
56	CNTT964	Triệu Thị	Mai	08/10/2004	Thái Nguyên	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
57	CNTT965	Nguyễn Tuấn	Minh	01/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
58	CNTT966	Phạm Công	Minh	28/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
59	CNTT967	Nguyễn Đăng	Mỹ	14/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
60	CNTT968	Đào Phúc	Nam	16/05/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
61	CNTT969	Nguyễn Văn	Nam	12/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
62	CNTT970	Đặng Bảo	Ngọc	21/05/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
63	CNTT971	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt	
64	CNTT972	Nguyễn Minh	Nguyên	04/01/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
65	CNTT973	Nguyễn Văn	Nguyên	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
66	CNTT974	Bùi Thế	Phồn	18/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt	
67	CNTT975	Thân Phú	Phúc	15/11/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
68	CNTT976	Trần Văn	Quyền	15/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
69	CNTT977	Hoàng Thị	Sen	18/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
70	CNTT978	Dương Quang	Tân	29/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
71	CNTT979	Nguyễn Thành	Tân	01/03/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,5	Đạt	
72	CNTT980	Đỗ Văn	Tấn	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
73	CNTT981	Nguyễn Thị Phương	Thanh	05/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
74	CNTT982	Bùi Quang	Thành	09/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt	
75	CNTT983	Lê Việt	Thành	20/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
76	CNTT984	Nguyễn Văn	Thành	16/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt	
77	CNTT985	Nguyễn Văn	Thành	07/09/2004	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
78	CNTT986	Phan Tiến	Thành	25/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
79	CNTT987	Hoàng Văn	Thành	24/02/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt	
80	CNTT988	Nguyễn Quang	Thắng	21/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	5,0	Đạt	
81	CNTT989	Nguyễn Văn	Thắng	20/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
82	CNTT990	Lê Quang	Thịnh	27/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	6,5	Đạt	
83	CNTT991	Nguyễn Thị Minh	Thu	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt	
84	CNTT992	Trần Quang	Thuận	24/07/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
85	CNTT993	Nguyễn Thị	Thúy	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,0	Đạt	
86	CNTT994	Trịnh Quang	Thường	18/12/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,5	Đạt	
87	CNTT995	Nguyễn Văn	Tiếp	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt	
88	CNTT996	Nguyễn Văn	Toàn	13/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	6,5	Đạt	
89	CNTT997	Nguyễn Thị Thu	Trang	06/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt	
90	CNTT998	Đặng Ngọc	Trung	23/07/2002	Thái Nguyên	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt	
91	CNTT999	Ngô Thị Kim	Anh	28/03/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	-	-	-	Vắng thi
92	CNTT1000	Thân Quang Tuấn	Anh	27/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt	
93	CNTT1001	Phạm Đăng	Bình	08/05/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt	
94	CNTT1002	Hoàng Thị	Hiền	03/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
95	CNTT1003	Nguyễn Thị	Hòa	13/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt	
96	CNTT1004	Bùi Quốc	Hùng	24/12/1980	Hà Nội	Nam	Kinh	7,5	8,5	Đạt	
97	CNTT1005	Đinh Thị	Huyền	27/07/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
98	CNTT1006	Trần Thị Thu	Hường	08/11/1998	Hải Dương	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt	
99	CNTT1007	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	14/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
100	CNTT1008	Diêm Thị Quỳnh	17/12/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	Đạt	
101	CNTT1009	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/02/1979	Hưng Yên	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt	
102	CNTT1010	Đỗ Xuân Trường	28/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt	
103	CNTT1011	Nguyễn Quốc Tú	12/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,7	5,5	Đạt	
104	CNTT1012	Nguyễn Văn Tư	13/04/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt	
105	CNTT1013	Nguyễn Đình Tự	22/09/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	5,0	Đạt	
106	CNTT1014	Vũ Thị Hồng Vân	10/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
107	CNTT1015	Nguyễn Hải Yến	24/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **107**

Số thí sinh vắng thi: **1**

Số thí sinh dự thi: **106**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **106**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 27 tháng 02 năm 2022

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Công Thành